

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày: 14/01/2022.

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Lê Viên**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Lý**

Bà **Võ Thị Bời**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kiều Diễm** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 326/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 372/TB-TA ngày 07/12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2021/QĐST-DS ngày 27/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Vũ Thái U**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: A3-2 chung cư 26 H, phường V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Bà Vũ Thái U ủy quyền cho ông **Lê Văn T**, địa chỉ: 102 Nguyễn T, phường Phước T, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền lập ngày 22/10/2019. Ông T có mặt.

Bị đơn:

1. Ông **Võ Hoàng Sơn H**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: 201 Nguyễn B, phường X, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Ông Võ Hoàng Sơn H ủy quyền cho bà **Đào Thị H**, địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền lập ngày 03/7/2019. Bà H vắng mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Ph**, sinh năm 1990

Địa chỉ: 201 Nguyễn B, phường X, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Bà Ph vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn bà Vũ Thái U trình bày:

Ngày 01/01/2019, ông Võ Hoàng Sơn H có vay của bà U 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) để thanh toán tiền hải sản, lãi suất 5%/tháng. Ông H hẹn 4 tháng sau sẽ trả hết số tiền gốc và lãi như đã thỏa thuận. Vợ chồng ông Võ Hoàng Sơn H,

bà Nguyễn Thị Mỹ Ph đã trả trước cho bà U 02 tháng tiền lãi là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Ngày 25/01/2019, ông Võ Hoàng Sơn H tiếp tục vay của bà U thêm 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) để mua hải sản dự trữ bán Tết, lãi suất 5%/tháng và hẹn 2 tháng sau sẽ trả hết số tiền gốc và lãi như đã thỏa thuận. Vợ chồng ông Võ Hoàng Sơn H, bà Nguyễn Thị Mỹ Ph đã trả trước cho bà U 02 tháng tiền lãi là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Đến nay, đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông H không trả thêm cho bà U bất kỳ khoản tiền nợ gốc và nợ lãi nào nên bà U khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Võ Hoàng Sơn H và bà Nguyễn Thị Mỹ Ph phải trả cho bà U toàn bộ số nợ gốc đã vay là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Tại đơn đề nghị ngày 26/10/2020, bà U đề nghị Tòa án tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền lãi mà ông H đã trả. Trường hợp số tiền lãi đã trả vượt quá lãi suất quy định, bà U đồng ý trừ số tiền lãi vượt quá vào số tiền nợ gốc. Đồng thời thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Mỹ Ph, chỉ yêu cầu ông Võ Hoàng Sơn H có trách nhiệm trả cho bà U toàn bộ số nợ gốc, không yêu cầu trả lãi.

- Theo Văn bản trình bày quan điểm vụ án và đề nghị xét xử vắng mặt ngày 05/01/2022, đại diện theo ủy quyền của bị đơn (ông Võ Hoàng Sơn H) – bà Đào Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Ph (vợ ông Võ Hoàng Sơn H) không biết gì về việc vay mượn tiền và không thừa nhận khoản nợ theo Giấy mượn tiền ngày 01/01/2019 và ngày 25/01/2019. Toàn bộ tài liệu, chứng cứ mà bà U nộp cho Tòa án không có tài liệu nào có chữ ký của bà Ph nên việc Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xác định bà Ph là bị đơn là không đúng với quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Giấy mượn tiền ngày 01/01/2019 và ngày 25/01/2019 không có sự thỏa thuận giữa các bên, không có chữ ký của bà U, chỉ có ông H bị đơn phương ký giấy, ông H không biết bà U là ai, chưa bao giờ gặp mặt bà U nên đây là quan hệ một chiều; tài liệu bà U nộp không thể chứng minh ông H có nhận tiền, không thỏa mãn điều kiện bên cho vay giao tài sản cho bên vay là không phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Lãi suất trong Giấy nhận tiền là 5%/tháng, gấp 3 lần lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Tố tụng dân sự, gấp 6 lần lãi suất bình quân các Ngân hàng cho tổ chức, cá nhân vay là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Như vậy Giấy nhận nợ không phù hợp với quy định của pháp luật, ông H ký Giấy nhận nợ là do bị ép buộc. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Ph mặc dù đã được Tòa án tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Ph không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa hôm nay, bà Ph cũng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn **rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Mỹ Ph**, yêu cầu Hội đồng xét xử tính lại số tiền lãi ông H đã trả theo quy định, trường hợp số tiền lãi đã trả vượt quá lãi suất quy định thì số tiền lãi vượt quá sẽ trừ vào số tiền nợ gốc và buộc ông Võ Hoàng Sơn H phải trả cho bà U số tiền nợ gốc còn lại, không yêu cầu trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc còn lại.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Mỹ Ph, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Võ Hoàng Sơn H phải trả cho bà Vũ Thái U toàn bộ số tiền nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 26/10/2020, nguyên đơn bà Vũ Thái U có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xem xét giải quyết buộc ông Võ Hoàng Sơn H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà U, không yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ Ph phải có nghĩa vụ trả nợ cùng ông H. Việc thay đổi yêu cầu của bà U là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà U đối với bà Ph.

Tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án được xác định lại như sau:

Nguyên đơn bà Vũ Thái U;

Bị đơn ông Võ Hoàng Sơn H;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ Ph.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đào Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ Ph mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, bà Ph.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về số nợ gốc:

Theo Giấy mượn tiền, ngày 01/01/2019, ông Võ Hoàng Sơn H vay của bà Vũ Thái U 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) để thanh toán tiền hải sản, thời hạn trả nợ là 04 tháng. Ngày 25/01/2019, ông Võ Hoàng Sơn H tiếp tục vay của bà U thêm 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) để trừ hàng bán Tết, thời hạn trả nợ là 02 tháng. Tổng cộng ông H đã mượn của bà U 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Ông H đã nhận đủ số tiền trên của bà U.

Tại phiên tòa ngày 25/3/2020, bị đơn ông Võ Hoàng Sơn H và đại diện theo ủy quyền của ông cho rằng chữ viết, chữ ký trong Giấy mượn tiền không phải của ông H và đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để giám định. Tuy nhiên, ông H và đại diện theo ủy quyền của ông đã không cung cấp tài liệu theo yêu cầu của Tòa án để thực hiện việc giám định.

Tại Văn bản trình bày quan điểm vụ án và đề nghị xét xử vắng mặt ngày 05/01/2022, đại diện theo ủy quyền của ông Võ Hoàng Sơn H khẳng định ông H đơn phương ký Giấy nhận nợ, việc ký giấy nợ là do ép buộc và cho rằng không có tài

liệu chứng minh ông H nhận tiền nhưng lại không đưa ra bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông H bị cưỡng ép vào thời điểm đó.

Như vậy, việc ông H và bà U xác lập việc vay tiền với nhau và ông H đã nhận đủ số tiền vay của bà U là có thật được thể hiện bằng giấy nhận nợ do ông H viết và ký tên.

Các khoản nợ hiện nay đã quá thời hạn trả nhưng ông H, bà Ph chỉ mới trả cho bà U 02 tháng tiền lãi của 02 khoản nợ trên là 50.000.000đ mà chưa thanh toán cho bà U tiền nợ gốc là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2]. Về số nợ lãi:

Bà U xác nhận ông H, bà Ph có trả cho bà 02 tháng tiền lãi của 02 khoản nợ trên là 50.000.000đ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay.

Theo giấy nhận nợ của ông Võ Hoàng Sơn H thì lãi suất thỏa thuận của 02 khoản vay ngày 01/01/2019 và ngày 25/01/2019 là 5%/tháng là vượt quá mức lãi suất quy định nên cần được xác định lại như sau:

- Số tiền lãi trong 02 tháng của khoản vay 300.000.000đ ngày 01/01/2019 là:

$300.000.000đ \times (20\%/năm : 12 \text{ tháng}) \times 02 \text{ tháng} = 9.960.000đ$

- Số tiền lãi trong 02 tháng của khoản vay 200.000.000đ ngày 25/01/2019 là:

$200.000.000đ \times (20\%/năm : 12 \text{ tháng}) \times 02 \text{ tháng} = 6.640.000đ$

Như vậy phần lãi suất vượt quá là $50.000.000đ - (9.960đ + 6.640.000đ) = 33.400.000đ$ được trừ vào tiền nợ gốc.

Số tiền nợ gốc còn lại: $500.000.000đ - 33.400.000đ = 466.600.000đ$

Ngoài số tiền lãi mà ông H, bà Ph đã trả cho bà U trong 02 tháng cho 02 khoản vay trên. Bà U chỉ yêu cầu ông H trả số nợ gốc còn lại là 466.600.000đ mà không yêu cầu trả phần nợ lãi còn lại nên Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Võ Hoàng Sơn H phải trả cho bà Vũ Thái U 466.600.000đ nợ gốc.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của bà U được chấp nhận nên ông Võ Hoàng Sơn H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là $20.000.000đ + 4\% \times 66.600.000đ = 22.664.000đ$.

[4]. Về lệ phí tòa án: Ông Võ Hoàng Sơn H, bà Nguyễn Thị Mỹ Ph đã thay đổi địa chỉ nhưng không thông báo địa chỉ mới cho Tòa án nên phải chịu chi phí thông báo về việc mở lại phiên tòa đối với người vắng mặt tại nơi cư trú trên phương tiện thông tin đại chúng. Nguyên đơn bà Vũ Thái U đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng nêu trên nên bị đơn ông Võ Hoàng Sơn H phải thanh toán cho bà Uyên 2.625.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Ph.
2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; buộc ông Võ Hoàng Sơn H phải trả cho bà Vũ Thái U số tiền 466.600.000đ (Bốn trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) nợ gốc.

3. Về án phí: Ông Võ Hoàng Sơn H phải nộp 22.664.000đ (Hai mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Vũ Thái U 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0011499 ngày 11/5/2019 của chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Nha Trang.

4. Về lệ phí Tòa án: Ông Võ Hoàng Sơn H phải trả cho bà Vũ Thái U 2.625.000đ (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) lệ phí Tòa án.

Quy định: Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS TP. Nha Trang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Viên